

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/DS-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thanh
2. Ông Lê Hồng Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T, địa chỉ trụ sở: Tầng 2, tòa nhà R, số 09 đường Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hồ Văn H, sinh năm 1994; cư trú tại địa chỉ: Số 24 T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 3701/UQTA-VH.18 ngày 31/7/2018); có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị B, sinh năm 1992; cư trú tại địa chỉ: Số 936/76 đường Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện ngày 31/7/2018 và các tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn là Công ty T (V) do anh Hồ Văn H đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 12/10/2016, chị Bùi Thị B có vay của V số tiền 21.100.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo nội dung hợp đồng, chị B có nghĩa vụ thanh toán cho V gốc và lãi với phương thức trả chậm trong thời gian 36 tháng. Trong đó, 35 tháng đầu tiên mỗi tháng trả 1.276.000 đồng và tháng cuối cùng trả 1.197.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 18/11/2016.

Thực hiện hợp đồng, chị B đã nhận đủ số tiền vay nêu trên để tiêu dùng và thanh toán cho V với tổng số tiền là 1.288.000 đồng vào ngày 20/11/2016. Từ đó

cho đến nay, chị B không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào dù V đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở. Chị B còn nợ lại VPBFC số tiền 41.164.328 đồng, trong đó nợ gốc là 20.879.000 đồng và nợ lãi 20.285.328 đồng, lãi tính đến ngày 30/11/2018.

Do đó, V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B phải trả cho V số tiền 41.164.328 đồng, trong đó nợ gốc là 20.879.000 đồng và nợ lãi là 20.285.328 đồng, lãi tính đến ngày 30/11/2018. V không yêu cầu tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

** Bị đơn là chị Bùi Thị B vắng mặt tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn là chị Bùi Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Bùi Thị B như: Thông báo thụ lý vụ án về việc V khởi kiện; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho chị B nhưng chị Bình không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, chị B không đến Tòa án để làm việc, hòa giải. Ngày 28/11/2018 chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đồng ý trả toàn bộ nợ gốc và lãi do nguyên đơn yêu cầu. Theo các tài liệu có tại hồ sơ xác định, chị B có vay của V số tiền 21.100.000 đồng với lãi suất 5%/tháng, phương thức thanh toán theo kỳ. Quá trình vay, chị B đã thanh toán cho V được 1.288.000 đồng. Tính đến ngày 30/11/2018 chị B còn nợ V tổng số tiền là 41.164.328 đồng, trong đó nợ gốc là 20.879.000 đồng và nợ lãi là 20.285.328 đồng.

Mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 1, 2 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Do đó V khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị B phải thanh toán số tiền là 41.164.328 đồng, trong đó nợ gốc là 20.879.000 đồng và nợ lãi 20.285.328 đồng tính đến ngày 30/11/2018 là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. V không yêu cầu tính lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (41.164.328 đồng x 5%) do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật

các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Buộc chị Bùi Thị B phải thanh toán cho Công ty T số tiền là 41.164.328 đồng (Bốn mươi một triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 20.879.000 đồng và nợ lãi là 20.285.328 đồng.

2. Chị Bùi Thị B phải chịu 2.058.000 đồng (Hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T 1.114.000đ (Một triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0003630 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa

